

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **163/2026/DS-ST**

Ngày 07/4/2026

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Lữ Cẩm Nhung**

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Ông Lê Văn Chi;**

**2. Ông Trương Thanh Tuấn.**

***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Đoàn Thanh Nhã** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông **Trần Ngọc Nhiều**- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng N.**

Trụ sở chính: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V**- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Phan Văn H**- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh G; Địa chỉ: Ấp C, xã G, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông **Mã Vĩnh Đ**– Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh G; Địa chỉ: Ấp C, xã G, tỉnh An Giang.

(Ông Đ có mặt)

2. Bị đơn: - Ông **Phạm Ngọc C**, sinh năm 1975

- Bà **Kim Hồng Á**, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

(Ông C, bà Á vắng mặt lần 2 không lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông **Mã Vĩnh Đ** đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N (Viết tắt: Ngân hàng) trình bày:

Ngày 14/9/2023 Ngân hàng N – Chi nhánh G có ký hợp đồng tín dụng với ông **Phạm Ngọc C**, bà **Kim Hồng Á** cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 7705LAV202302611 ngày 14/09/2023;

Số tiền vay: 250.000.000đ;

Ngày vay: 14/09/2023 – Hạn trả: 13/9/2028

Thời hạn vay: 60 tháng.

Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở;

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần

Hình thức thanh toán: Trả gốc, lãi theo kỳ hàng tháng.

Lãi suất: Trong hạn tại thời điểm vay là: 11%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng nêu trên không được bảo đảm bởi tài sản thế chấp nào để bảo đảm nợ vay

Trong quá trình vay vốn, ông C, bà Á chỉ thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc đến ngày 03/4/2025 là 81.500.000 đồng cùng lãi phát sinh thì ngưng vì phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng khi đến kỳ hạn, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở. Mặc dù Ngân hàng đã tạo mọi điều kiện để bà H có thời gian trả nợ nhưng đến nay vẫn không cải thiện được tình hình, để nợ quá hạn kéo dài không thanh toán từ đó làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính của Ngân hàng, mặc dù theo hợp đồng tín dụng chưa đến hạn thanh toán nhưng do ông C, bà Á vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi cho Ngân hàng như thoả thuận nên Ngân hàng chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn.

Tại phiên tòa, ông **Mã Vĩnh Đ** là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu: Tòa án buộc ông **Phạm Ngọc C**, bà **Kim Hồng Á** có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn lại là

168.500.000 đ; Tiền lãi tính đến ngày 07/4/2026 là 20.045.418đ (lãi trong hạn: 18.776.901đ và lãi quá hạn: 1.268.517đ). Tổng cộng gốc và lãi là 188.545.418đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/4/2026 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- *Bị đơn ông Phạm Ngọc C, bà Kim Hồng Á:* Đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C, bà Á đều không có mặt.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*** Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng pháp luật, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 ; Điều 91 và Điều 95 đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

1.1. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông C, bà Á thanh toán số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 7705LAV202302611 ngày 14/09/2023, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án ngày 25/6/2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

1.2. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng N cho ông C, bà Á vay tổng số tiền gốc là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 7705LAV202302611 ngày 14/09/2023 nên đây là tranh chấp là “*Tranh*

*chấp hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

1.3. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông C, bà Á đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do và tại phiên tòa nguyên đơn cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn Ngân hàng N cung cấp ông C, bà Á có vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh G II theo Hợp đồng tín dụng số 7705LAV202302611 ngày 14/09/2023, với tổng số tiền dư nợ gốc tính đến ngày 07/4/2026 là 168.500.000đ và bản kê chi tiết các khoản nợ đã trả và còn phải trả do nguyên đơn Ngân hàng cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở xác định giữa ông C, bà Á và Ngân hàng có phát sinh giao dịch vay vốn với nhau. Do không trả nợ đúng theo cam kết đã ký, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền còn dư nợ của ông C, bà Á sang nợ quá hạn. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết, nhưng ông C, bà Á không trả nợ cho nguyên đơn, làm ảnh hưởng tới quyền lợi của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông C, bà Á phải trả số tiền trên là có cơ sở, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C, bà Á phải trả số tiền gốc là 168.500.000đ và tiền nợ lãi phát sinh tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử (ngày 07/4/2026) là 20.045.418đ. Tổng cộng gốc và lãi là 188.545.418 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính kể từ ngày 08/4/2026 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho nguyên đơn.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng ông C, bà Á không gửi văn bản ý kiến. Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông C, bà Á không có ý kiến phản đối nào với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như chứng cứ do Ngân hàng cung cấp. Nên xem như ông C, bà Á đã mặc nhiên thừa nhận khoản nợ trên đồng thời việc bị đơn bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn đây được xác định là trường hợp phía bị kiện giấu địa

chỉ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 5-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông C, bà Á phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền tranh chấp là  $188.545.418\text{đ} \times 5\% = 9.427.271\text{đ}$  (Chín triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn, hai trăm bảy mươi một đồng).

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.423.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025

- Các Điều 117, Điều 280, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015

- Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Phạm Ngọc C, bà Kim Hồng Á.

Buộc bị đơn ông C, bà Á có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền vay tính đến ngày 07/4/2026, gồm:

+ Nợ gốc: 168.500.000 đồng;  
+ Nợ lãi trong hạn: 18.776.901 đồng;  
+ Nợ lãi quá hạn: 1.268.517 đồng;  
Tổng cộng: 188.545.418 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/4/2026 ông C, bà Á còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng N, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông C, bà Á phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông C, bà Á phải chịu án phí số tiền là 9.427.271đ (Chín triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn, hai trăm bảy mươi một đồng).

Ngân hàng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.423.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0005987 ngày 24/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND KV 5- AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà**

**Lữ Cẩm Nhung**

